

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC .....  
HỌC KỲ ... NĂM HỌC: 20... - 20...

| TT | LỚP, KHOÁ<br>(năm thứ...) | CÁC MÔN HỌC |         | SỐ<br>TC | PHÂN CHIA |    | GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY |       | HÌNH THỨC<br>THI | GHI<br>CHÚ |
|----|---------------------------|-------------|---------|----------|-----------|----|----------------------|-------|------------------|------------|
|    |                           | TT          | TÊN MÔN |          | LT        | TH | GV LT                | GV TH |                  |            |
| 1  |                           | 1           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 2           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 3           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 4           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 5           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 6           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 7           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           |             | Cộng:   | 0        | 0         | 0  |                      |       |                  |            |
| 2  |                           | 1           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 2           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 3           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 4           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 5           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 6           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 7           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           |             | Cộng:   | 0        | 0         | 0  |                      |       |                  |            |
| 3  |                           | 1           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 2           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 3           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |
|    |                           | 4           |         |          |           |    |                      |       |                  |            |

|  |  |  |      |   |   |   |  |  |  |  |
|--|--|--|------|---|---|---|--|--|--|--|
|  |  |  | Cộng | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |
|--|--|--|------|---|---|---|--|--|--|--|

|     |  |   |      |   |   |   |  |  |  |
|-----|--|---|------|---|---|---|--|--|--|
| 4   |  | 1 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  | 2 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  | 3 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  | 4 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  |   | Cộng | 0 | 0 | 0 |  |  |  |
| ... |  | 1 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  | 2 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  | 3 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  | 4 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  | 5 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  | 6 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  | 7 |      |   |   |   |  |  |  |
|     |  |   | Cộng | 0 | 0 | 0 |  |  |  |

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

KHOA  
.....

PHÒNG ĐÀO TẠO,  
QLKH VÀ HTQT

PHÒNG  
HÀNH CHÍNH TH

PHÒNG KHẢO THÍ &  
CÔNG TÁC HSSV

BAN GIÁM HIỆU

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU VÀ KIÊM NHIỆM  
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2023 - 2024

| TT | Họ và Tên<br>Giảng Viên | Chức<br>Danh  | Giờ chuẩn<br>theo ĐM/<br>năm | Lớp                                                    | Môn học               | Số tiết | Số tiết<br>hệ số | Tổng số<br>tiết dạy<br>/HK | Ghi chú                                   |
|----|-------------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------|---------|------------------|----------------------------|-------------------------------------------|
| 1  | Vũ Đình Toán            | TS            | 210                          | TKMT HH K41                                            | Kỹ xảo vi tính số hóa | 45      | 45               | 222                        | Trưởng khoa                               |
|    |                         |               |                              | TKMT HH K41                                            | Hội họa 2.2           | 60      | 60               |                            |                                           |
|    |                         |               |                              | TKTPNT K40                                             | Thiết kế TP SK-ĐA 5   | 45      | 45               |                            |                                           |
|    |                         |               |                              | ĐHKX K42<br>NTHT K42                                   | Mỹ thuật SK - ĐA 1    | 60      | 72               |                            |                                           |
| 2  | Nguyễn Nguyên Vũ        | ThS -<br>NSUT | 240                          | TKTPNT K40                                             | Thiết kế TP SK-ĐA 5   | 45      | 45               | 297                        | Phó trưởng khoa                           |
|    |                         |               |                              | TKMTSK K43,<br>TKMTĐA K43,<br>TKMTHH K43,<br>ĐHKX K43, | Luật xa gần           | 45      | 54               |                            |                                           |
|    |                         |               |                              | TKMTĐA K42                                             | Tạo hình Điện Ảnh 2   | 90      | 90               |                            |                                           |
|    |                         |               |                              | ĐDDA K41<br>QPĐA K41<br>BKĐA K41                       | Mỹ thuật điện ảnh     | 45      | 54               |                            |                                           |
|    |                         |               |                              | QP K41<br>ĐD ĐATH K41<br>(VLVH)                        | Mỹ thuật điện ảnh     | 45      | 54               |                            |                                           |
| 3  | Nguyễn Văn Chuyên       | ThS           | 240                          | ĐHKX K41                                               | Hình họa 3            | 60      | 60               | 240                        | Tổ trưởng tổ bộ<br>môn Mỹ thuật cơ<br>bản |
|    |                         |               |                              | NTHT K41                                               | Hình họa 3            | 60      | 60               |                            |                                           |
|    |                         |               |                              | NTHT K42                                               | Hình họa 2.1          | 60      | 60               |                            |                                           |
|    |                         |               |                              | NTHT K43                                               | Hình họa 1.1          | 60      | 60               |                            |                                           |
| 4  | Lê Thế Anh              | ThS           | 255                          | TKMT HH K41                                            | Hội họa 1.2           | 60      | 60               | 240                        | Chủ nhiệm<br>TKTPNT K39                   |
|    |                         |               |                              | TKTPNT K40,<br>ĐHKX K40                                | Hội họa 3.1           | 60      | 60               |                            |                                           |
|    |                         |               |                              | NTHT K40                                               | Hội họa 3             | 60      | 60               |                            |                                           |

|  |  |  |          |             |    |    |  |  |
|--|--|--|----------|-------------|----|----|--|--|
|  |  |  | NTHT K42 | Hội họa 1.1 | 60 | 60 |  |  |
|--|--|--|----------|-------------|----|----|--|--|

|   |                    |     |     |                                                                    |                                    |     |      |       |                                  |
|---|--------------------|-----|-----|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----|------|-------|----------------------------------|
| 5 | Nguyễn Quang Trung | ThS | 240 | TKMTHH K41                                                         | Đạo diễn (HH)                      | 45  | 45   | 360   | Tổ trưởng chuyên ngành MTHH & ĐH |
|   |                    |     |     | ĐHKX K40                                                           | Đồ họa kỹ xảo 6                    | 105 | 105  |       |                                  |
|   |                    |     |     | ĐHKX K41                                                           | TK Kịch bản hình ảnh - Story board | 75  | 75   |       |                                  |
|   |                    |     |     | ĐHKX K42                                                           | Vẽ điện tử 2                       | 45  | 45   |       |                                  |
|   |                    |     |     |                                                                    | ĐHKX 2                             | 90  | 90   |       |                                  |
| 6 | Nguyễn Ngọc Tuấn   | ThS | 255 | TKMT HH K40                                                        | Hội họa 3.2                        | 60  | 60   | 210   | Chủ nhiệm TKMT HH K41            |
|   |                    |     |     | TKMT HH K41                                                        | Hình họa 2.2                       | 60  | 60   |       |                                  |
|   |                    |     |     | TKMT HH K41                                                        | Tạo hình phim HH 4                 | 90  | 90   |       |                                  |
| 7 | Lê Huyền Trang     | ThS | 255 | TKMT HH K42                                                        | Tạo hình phim HH 2                 | 90  | 90   | 300   | Chủ nhiệm TKMT ĐA, HH K39        |
|   |                    |     |     | ĐHKX K43                                                           | Hình họa 1.1                       | 60  | 60   |       |                                  |
|   |                    |     |     | TKMT HH K40                                                        | Tạo hình phim HH 6                 | 90  | 90   |       |                                  |
|   |                    |     |     | ĐHKX K42                                                           | Hình họa 2.1                       | 60  | 60   |       |                                  |
| 8 | Vũ Thanh Hùng      | ThS | 255 | TKMT HH K42                                                        | Đồ họa vi tính 1.1                 | 45  | 45   | 318   | Chủ nhiệm ĐHKX K41               |
|   |                    |     |     |                                                                    |                                    |     |      |       |                                  |
|   |                    |     |     | ĐHKX K41                                                           | Đồ họa kỹ xảo 4                    | 105 | 105  |       |                                  |
|   |                    |     |     | CNDP K41                                                           | Đồ họa và kỹ xảo 4                 | 60  | 60   |       |                                  |
|   |                    |     |     | ĐD ĐA-TH K41 (VLVH)                                                | Đồ họa vi tính                     | 60  | 72   |       |                                  |
|   |                    |     |     | ĐDTH K40<br>QPTH K40<br>BTTH K40                                   | Đồ họa                             | 30  | 36   |       |                                  |
| 9 | Hoàng Duy Đông     | ThS | 255 | TKMT HH K41                                                        | Đồ họa vi tính 2.1                 | 45  | 45   | 274.5 | Chủ nhiệm ĐHKX K42               |
|   |                    |     |     | TKMTSK K43,<br>TKMTĐA K43,<br>TKMTHH K43,<br>ĐHKX K43,<br>NTHT K43 | Giải phẫu cơ thể người             | 45  | 67.5 |       |                                  |
|   |                    |     |     | TKMTSK K43,<br>TKMTĐA K43,<br>TKMTHH K43,<br>ĐHKX K43              | Trang trí không gian               | 75  | 90   |       |                                  |

NTHT K41,  
ĐDDA K41  
ĐDÂTAS K41

Đồ họa vi tính

60

72

|    |                 |     |     |                                                  |                                 |     |     |     |                                      |
|----|-----------------|-----|-----|--------------------------------------------------|---------------------------------|-----|-----|-----|--------------------------------------|
|    |                 |     |     |                                                  |                                 |     |     |     |                                      |
| 10 | Đào Thị Thùy    | ThS | 255 | TKTP K40                                         | Hóa trang, tạo hình nhân vật SK | 60  | 60  | 384 | Chủ nhiệm<br>NTHT K40,<br>NTHT K41   |
|    |                 |     |     | NTHT K40                                         | Nghệ thuật hóa trang 7          | 120 | 120 |     |                                      |
|    |                 |     |     | NTHT K41                                         | Nghệ thuật hóa trang 5          | 105 | 105 |     |                                      |
|    |                 |     |     | NTHT K42                                         | Nghệ thuật hóa trang 3          | 45  | 45  |     |                                      |
|    |                 |     |     | DVK, ĐA-TH K40A<br>DVK, ĐA-TH K40B<br>ĐDSKLH K40 | Hóa trang                       | 45  | 54  |     |                                      |
| 11 | Đinh Thị Hằng   | ThS | 255 | TKTP K43                                         | Kỹ thuật cắt may                | 30  | 30  | 90  | Chủ nhiệm<br>NTHT K39                |
|    |                 |     |     | NTHT K43                                         | Nghệ thuật hóa trang 1          | 90  | 90  |     |                                      |
| 12 | Trần Đức Minh   | ThS | 255 | TKMTHH K42,                                      | Hình họa 1.2                    | 60  | 60  | 225 | Chủ nhiệm<br>NTHT K42                |
|    |                 |     |     | ĐHKX K42                                         | Hội họa 2.1                     | 60  | 60  |     |                                      |
|    |                 |     |     | NTHT K42                                         | Hội họa 2.1                     | 60  | 60  |     |                                      |
|    |                 |     |     | MTSK K43,<br>MTĐA43, MTHH<br>K43                 | Hình họa 1.1                    | 45  | 45  |     |                                      |
| 13 | Hoàng Nhã Quỳnh | ThS | 210 | TKTP K43                                         | Thiết kế trang phục cơ bản      | 60  | 60  | 120 | Trợ lý khoa<br>Chủ nhiệm<br>TKTP K40 |
|    |                 |     |     | ĐHKX K43                                         | Hội họa 1.1                     | 60  | 60  |     |                                      |

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2022

Khoa Thiết kế mỹ thuật

Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT

BAN GIÁM HIỆU